

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH**

Số: 344A/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phường Bình Định, ngày 02 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thực hiện dự toán ngân sách
Quý II năm 2024 của Phường Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số : 40/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của HĐND Phường Bình Định khóa XI, kỳ họp thứ 8 về phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách Phường Bình Định năm 2024;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán UBND phường Bình Định,

QUYẾT ĐỊNH:

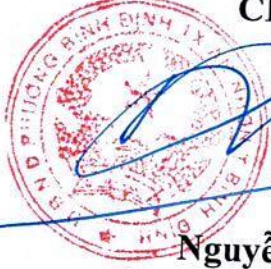
Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2024 của phường Bình Định (theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng – Thống kê HĐND- UBND phường, Tài chính – Kế toán phường Bình Định tổ chức thực hiện Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã (thay báo cáo);
- Phòng TC – KH thị xã (thay báo cáo);
- TT. Đảng ủy phường) (thay báo cáo);
- TT. HĐND phường (thay báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT (được biết);
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT,TC.

CHỦ TỊCH


Nguyễn Anh Dũng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	29.512	16.130,27	54,66
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.769	143	8,09
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	26.924	8.773	32,58
3	Thu bổ sung	160	495	309,59
	- Thu bổ sung cân đối			
	- Thu bổ sung có mục tiêu	160	495	309,59
4	Thu chuyển nguồn	659	6.719	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		-	
II	TỔNG SỐ CHI	29.512	4.862,55	16,48
1	Chi đầu tư phát triển	18.630	-	-
2	Chi thường xuyên	10.292	4.862,55	47,25
3	Dự phòng	590	-	-

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		THỰC HIỆN QUÝ II		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	76.366	29.512	41.454,12	16.130,27	54,28	54,66
I	Các khoản thu 100%	1.769	1.769	143,15	143,15	8,09	8,09
	Phí, lệ phí	89	89	13,41	13,41	15,07	15,07
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.000	106,49	106,49	10,65	10,65
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	100	100	20,25	20,25	20,25	20,25
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định			3,00	3,00		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	580	580	-		-	-
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	73.778	26.924	34.096,46	8.772,61	46,21	32,58
1	Các khoản thu phân chia	3.758	3.758	3.386,81	3.386,81	90,12	90,12
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.090	1.090	789,65	789,65	72,44	72,44
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	334	334	237,25	237,25	71,03	71,03
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.334	2.334	2.359,91	2.359,91	101,11	101,11
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	70.020	23.166	30.709,65	5.385,80	43,86	23,25
	Tiền sử dụng đất	20.700	20.700	5.203,12	4.073,12	25,14	19,68
	Thuế VAT, TNDN	49.320	2.466	25.506,53	1.312,68	51,72	53,23
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	659	659	6.719,16	6.719,16		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			-			
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	160	160	495,35	495,35	310	310
	- Thu bổ sung cân đối						
	- Thu bổ sung có mục tiêu	160	160	495,35	495,35	310	310

Tỉnh : Bình Định
Thị xã : An Nhơn
Phường : Bình Định

Biểu số 115/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG QUÝ II NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính)

ĐVT: Tr. đồng

Nội dung	Dự toán năm 2024			Thực hiện quý II			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	29.512	18.630	10.292	4.862,6	0	4.862,6	16,48	0,00	47,25
<i>1. Chi cho công tác dân quân tự vệ trật tự an toàn xã hội</i>			1.503			720,38			47,93
- Chi dân quân tự vệ			1.268			619,90			48,89
- Chi trật tự an toàn xã hội			235			100,48			42,76
<i>2. Chi giáo dục</i>			10						0,00
<i>3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ</i>			15			8,60			57,33
<i>4. Chi Y tế</i>			20			2,00			10,00
<i>5. Chi văn hóa, thông tin</i>			130			75,05			57,73
<i>6. Chi phát thanh, truyền thanh</i>			69			35,10			50,87
<i>7. Chi thể dục, thể thao</i>			40			33,65			84,13
<i>8. Chi bảo vệ môi trường</i>									
<i>9. Chi các hoạt động kinh tế</i>			2.638			1.065,26			40,38
- Giao thông			50						0,00
- Nông- lâm-thủy lợi-hải sản			50						0,00
- Thị chính			268			505,31			188,55
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác			2.270			559,95			24,67
<i>10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể</i>			5.756			2.847,47			49,47
<i>Trong đó : Quỹ lương</i>									
<i>10.1. Quản lý Nhà nước(kể cả HĐND)</i>			3.591			1.851,79			51,57
<i>10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam</i>			824			385,74			46,81
<i>10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</i>			399			188,33			47,20
<i>10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM</i>			236			105,50			44,70
<i>10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ</i>			208			98,50			47,36
<i>10.6. Hội Cựu chiến binh</i>			252			102,60			40,71
<i>10.7. Hội Nông dân</i>			197			96,04			48,75
<i>10.8. Các hội đặc thù</i>			49			18,97			38,71
<i>10.9. Chi hỗ trợ khác (nếu có)</i>									
<i>11. Chi cho công tác xã hội</i>			81			70,04			86
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác									
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác			81			70,04			
<i>12. Chi khác</i>			30			5,00			
<i>13. Dự phòng</i>			590	0					0,00